

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 33/2024/DS-ST
Ngày: 06-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tổng Văn Tâm
- Ông Lê Tiền Giang

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Ngọc Giàu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Trần Thái T, sinh năm 1961.

Nơi cư trú: tổ H, khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

- Bị đơn:

- Ông Phạm Ngọc O, sinh năm 1965;
- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ thường trú: khu A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; Cùng nơi cư trú: tổ H, khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960;
- Ông Trần Thái Nhân T2, sinh năm 1992;

3. Ông Trần Thái Nhân T3, sinh năm 1996.

Cùng nơi cư trú: tổ H, khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.
(vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Ông Trần Thái T với vợ chồng ông Phạm Ngọc O, bà Nguyễn Thị T1 là hàng xóm với nhau. Tháng 12/2020, ông O, bà T1 cần tiền để kinh doanh (bán hàng tết) nên hỏi mượn (vay) của ông T số tiền 150.000.000 đồng và hứa sẽ sớm trả lại cho ông T. Do là hàng xóm với nhau và tại thời gian này ông T cũng có một số tiền nhàn rỗi nên ông T đã đồng ý. Theo đó, cũng trong tháng 12/2020, ông T đã giao số tiền 150.000.000 đồng cho vợ chồng ông O, bà T1 mượn, không tính lãi. Do tin tưởng nhau nên tại thời điểm này hai bên không lập hợp đồng vay hay giấy mượn tiền. Số tiền 150.000.000 đồng trên là tiền cá nhân của ông T.

Đến đầu năm 2023, do nhu cầu cần tiền để tiêu dùng trong gia đình nên ông T đã liên hệ, yêu cầu ông O, bà T1 trả lại cho ông T số tiền 150.000.000 đồng. Tại thời điểm này, ông O, bà T1 trả lời với ông T là chưa đủ khả năng trả nợ và cam kết sẽ sớm trả lại cho ông T. Ngoài ra, ông O, bà T1 tự nguyện trả thêm cho ông T tiền lãi trong thời gian ông O, bà T1 chậm trả nợ. Cụ thể mức lãi suất ông T và vợ chồng ông O, bà T1 thỏa thuận là 3%/tháng, tính từ ngày 23/4/2023. Cam kết của ông O, bà T1 được lập thành văn bản với hình thức là Giấy chuyển giao vay tiền lập ngày 23/4/2023 với đầy đủ chữ ký xác nhận của ông Phạm Ngọc O và bà Nguyễn Thị T1. Cũng tại giấy chuyển giao tiền nêu trên, ông O, bà T1 cam kết đến ngày 23/12/2023 sẽ trả đủ cho ông T số tiền gốc 150.000.000 đồng và đầy đủ tiền lãi tính từ ngày 23/4/2023.

Đến nay, đã quá thời gian thỏa thuận nhưng ông O, bà T1 không liên hệ trả lại cho ông T đủ số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Do vậy, ông T đã liên hệ đến ông O, bà T1, yêu cầu ông O, bà T1 trả lại tiền cho ông T theo đúng cam kết nhưng ông O, bà T1 tìm mọi cách tránh né, không thực hiện.

Quá bức xúc trước hành vi của ông O, bà T1 nên ông T đã trình báo hành vi vi phạm pháp luật của ông O, bà T1 đến Công an phường H, yêu cầu Công an phường H xử lý hành vi vi phạm của ông O, bà T1. Theo đó, ngày 08/01/2024, Công an phường H đã mời ông T và vợ chồng ông O, bà T1 đến làm việc. Tại buổi làm việc, ông O, bà T1 thừa nhận có nợ của ông T số tiền gốc 150.000.000 đồng nhưng hiện nay không có khả năng trả và cam kết sẽ trả lại cho ông T. Do không có yếu tố hình sự nên Công an phường H đã hướng dẫn ông T khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nhận thấy việc ông O, bà T1 vay tiền của ông T nhưng cố tình không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ là trái với quy định của pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

Vì vậy, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đối với bị đơn: Buộc ông Phạm Ngọc O, bà Nguyễn Thị T1 liên đới trả cho ông Trần Thái T tổng số tiền 185.000.000 đồng, bao gồm nợ gốc là 150.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 23/4/2023 đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất là 20%/năm với số tiền là 35.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Vợ chồng ông Phạm Ngọc O, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Thái T4 là hàng xóm với nhau. Tháng 12/2020, ông O, bà T1 gặp khó khăn nên có vay của ông T4 số tiền 150.000.000 đồng. Do tin tưởng nhau nên tại thời điểm này giữa hai bên không lập với nhau hợp đồng vay hay giấy mượn tiền. Hai bên thỏa thuận lãi là 3%/tháng. Quá trình vay tiền, bà T1, ông O có trả được cho ông T4 số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng vào cuối năm 2022 và số tiền lãi của 07 tháng với số tiền mỗi tháng là 4.500.000 đồng, tuy nhiên, do tin tưởng nên hai bên không có làm giấy tờ ghi nhận.

Đến đầu năm 2023, ông T4 đã liên hệ yêu cầu ông O, bà T1 trả lại cho ông T4 số tiền 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, do tình hình kinh tế đang gặp khó khăn, bà T1, ông O chưa có tiền để trả lại cho ông T4 nên ngày 23/4/2023 bà T1 có viết cam kết về việc có nợ của ông Nguyễn Thái T4 (do sai chính tả nên viết thành “chân thành thuận”) số tiền 150.000.000 đồng và sẽ trả lại cho ông T4 vào ngày 23/12/2023 (tại thời điểm này thì bà T1, ông O đã trả được số tiền 30.000.000 đồng nhưng ông T4 yêu cầu viết đủ số tiền đã vay là 150.000.000 đồng, khi nào trả tiền thì sẽ trừ lại) nên bà T1 viết đúng số tiền đã vay là 150.000.000 đồng. Bà T1 và ông O đã ký xác nhận. Tuy nhiên, đến nay thì bà T1, ông O vẫn chưa trả được số tiền còn lại cho ông T4.

Đối với nội dung của Giấy chuyển giao vay tiền ngày 23/4/2023 là do ông T4 tự viết. Đối với nội dung “Bên A cho vay” và chữ ký, họ tên của bà Nguyễn Thị L (vợ cũ của ông T4) và ông Trần Thái Nhân T2, ông Trần Thái Nhân T3 (con ông T4) bên cạnh phần cam kết của bà T1, ông O là do những người này tự ký sau. Bà T1, ông O xác định chỉ vay tiền của ông T4, không có giao dịch vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị L và ông Trần Thái Nhân T2, ông Trần Thái Nhân T3 nên bà T1, ông O chỉ có trách nhiệm trả tiền cho ông T4, không liên quan đến bà L, ông T2, ông T3.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của ông T4 buộc ông Phạm Ngọc O, bà Nguyễn Thị T1 liên đới trả cho ông Trần Thái T tổng số tiền 185.000.000 đồng, bao gồm nợ gốc là 150.000.000 đồng, tiền lãi là 35.000.000 đồng thì bà T1 đồng ý. Tuy nhiên, do hiện nay gia đình đang gặp khó khăn nên chưa thể có tiền để trả ngay cho phía ông T được.

- Bị đơn ông Phạm Ngọc O không trình bày ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, ông Trần Thái Nhân T2, ông Trần Thái Nhân T3 trình bày:

Số tiền 150.000.000 đồng ông Trần Thái T cho ông Phạm Ngọc O và bà Nguyễn Thị T1 vay là tài sản riêng của ông T. Bà L, ông T2, ông T3 không có

liên quan đến số tiền này và không có giao dịch vay mượn gì đối với ông O, bà T1.

Do đó, đề nghị Toà án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật. Do không có liên quan đến việc vay mượn tiền giữa ông T và ông O, bà T1 nên bà L, ông T2, ông T3 đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thái T4 thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu bị đơn ông Phạm Ngọc O, bà Nguyễn Thị T1 thanh toán tổng số tiền 181.000.000 đồng, bao gồm nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 20%/năm tính từ ngày 23/4/2023 đến ngày xét xử với số tiền 31.000.000 đồng. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn thanh toán nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn với mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 23/4/2023 đến ngày 23/12/2023, chấp nhận một phần yêu cầu lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 24/12/2023 đến ngày 06/5/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Thái T khởi kiện yêu cầu ông Phạm Ngọc O, bà Nguyễn Thị T1 thanh toán tiền vay nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn ông Phạm Ngọc O, bà Nguyễn Thị T1 có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập theo đúng quy định nhưng vắng mặt không có lý do, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền 181.000.000 đồng, bao

gồm nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 20%/năm tính từ ngày 23/4/2023 đến ngày xét xử với số tiền 31.000.000 đồng. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về số tiền nợ gốc: Ông Trần Thái T cho rằng đã cho bị đơn bà Nguyễn Thị T1, ông Phạm Ngọc O vay số tiền 150.000.000 đồng vào tháng 12/2020, sau đó hai bên có lập Giấy chuyển giao vay tiền ngày 23/4/2023 và hẹn thời hạn thanh toán vào ngày 23/12/2023 nhưng bị đơn không thực hiện. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc là 150.000.000 đồng. Bị đơn bà T1 thừa nhận việc có vay tiền như nguyên đơn trình bày và cho rằng có trả được cho ông T số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng vào cuối năm 2022 và số tiền lãi của 07 tháng với số tiền mỗi tháng là 4.500.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, nguyên đơn cũng không thừa nhận. Xét tại mặt sau Giấy chuyển giao vay tiền ngày 23/4/2023 thể hiện nội dung: ngày 23/4/2023 bà T1 cam kết về việc có nợ của ông T số tiền 150.000.000 đồng và sẽ trả lại cho ông T vào ngày 23/12/2023. Bà T1 và ông Phạm Ngọc O đã ký tên xác nhận. Đến hạn trả nợ nhưng bà T1, ông O không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông T là vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền vay 150.000.000 đồng là có cơ sở theo quy định tại Điều 466, 469 của Bộ luật dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà T1 cũng đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Về số tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi tính từ ngày 23/4/2023 đến ngày Toà án xét xử với mức lãi suất là 20%/năm với số tiền 31.000.000 đồng. Xét thấy, các bên thừa nhận việc vay tiền với mức lãi suất là 3%/tháng tương đương 36%/năm. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự thì phần lãi suất thoả thuận vượt quá 20%/năm không có hiệu lực, như vậy có cơ sở xác định mức lãi suất trong hạn do các bên thoả thuận được chấp nhận là 20%/năm. Tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: *“Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác”*. Như vậy, theo quy định trên thì bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi trên nợ gốc theo lãi suất thoả thuận là 20%/năm và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất trong hạn tương ứng là 30%/năm. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi tính từ ngày 23/4/2023 đến ngày 06/5/2024 với mức lãi suất là 20%/năm với số tiền 31.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó, bị

đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn tính từ ngày 23/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (06/5/2024) với số tiền là 31.000.000 đồng.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thái T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T1, ông Phạm Ngọc O. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương là phù hợp một phần.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn ông Phạm Ngọc O, bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 181.000.000 đồng với số tiền 9.050.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thái T đối với bị đơn ông Phạm Ngọc O, bà Nguyễn Thị T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Ông Phạm Ngọc O, bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Thái T số tiền 181.000.000 đồng (Một trăm tám mươi một triệu đồng), bao gồm nợ gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Phạm Ngọc O, bà Nguyễn Thị T1 phải chịu số tiền 9.050.000 đồng (Chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- CC THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Trung